

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA AN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17-01-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lục Thị Út

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Diệp.

2. Bà Long Thị Nét.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lý Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/ 2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm Nà Nh, xã Dân Ch, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

***- Bị đơn:*** Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 11 Bế Tr, thị trấn Nước H, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt (không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Hoàng Văn T có tình cảm, tự nguyện đi đến hôn nhân, chung sống từ năm 1993 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dân Ch, huyện Hòa A,

tỉnh Cao Bằng ngày 26 tháng 02 năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không thể chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau, ông T thường xuyên tụ tập, uống rượu về nhà lại chửi bới, hành hạ bà, cả ngày lẫn đêm không cho ngủ, vợ chồng có xô xát nhưng chưa có thương tích nghiêm trọng, bà bị khủng bố về tinh thần. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

Về con chung: Bà L và ông T có 03 con chung.

1. Hoàng Văn Ch, sinh ngày 08/10/1994;
2. Hoàng Thị V, sinh ngày 12/11/1995;
3. Hoàng Cao B, sinh ngày 23/11/1998.

Hiện nay, cả ba con chung đều đã đủ tuổi thành niên, hai con đã lập gia đình riêng nên bà L không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, về nợ chung: Bà L xác nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận xong, đồng thời cũng không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Về xác định thẩm quyền: Bà L khởi kiện ly hôn ông Hoàng Văn T trú tại xóm 11 Bể Tr, thị trấn Nước H, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng do vậy thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòa An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố Tụng dân sự, cụ thể như: Lập hồ sơ vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L, bị đơn là ông Hoàng Văn T, xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đầy đủ.

Về việc gửi hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát: Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án phải gửi hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 15 ngày để nghiên cứu, tuy nhiên Tòa án gửi tài liệu bổ sung sau khi hoãn phiên tòa cho Viện Kiểm sát nghiên cứu còn chậm, đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể như sau: Tòa án nhân dân huyện Hòa An đã triệu tập bị đơn đến tòa để tham gia phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn được triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và ý kiến của người tham gia tố tụng tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Với các cơ sở trên, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Văn T là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T đang cư trú tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về tố tụng:

Ông Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ ba để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết và tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Hoàng Văn T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hoàng Văn T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu ly hôn của bà L: Bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Dân Ch, huyện Hòa A nên hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau; thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm rạn nứt. Nguyên nhân do ông T uống rượu say, kiêu căng gây sự, chửi bới bà L. Hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc bà L và ông T đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà L yêu cầu được ly hôn.

Biên bản xác minh ngày 07/12/2021, chị Hoàng Thị V là con đẻ của bà L, ông T xác nhận: Chị V đã giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 03) số 110/2021/TB-TA ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An cho ông Hoàng Văn T. Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt tại phiên họp không có lý do. Hiện nay, ông T thường xuyên đi làm công trình tại các huyện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nên không có nơi cư trú ổn định, còn lý do tại sao ông T không có mặt tại phiên họp, hòa giải thì chị V không biết. Chị V cam đoan sẽ tiếp tục giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 04) số 116/2021/TB-TA ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An cho ông Hoàng Văn T, việc ông T có đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải hay không thì chị không biết. Biên bản xác minh ngày 15/12/2021, bà Hoàng Thị Ch Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng xóm xóm 11 Bế Tr, thị trấn Nước H, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng cho biết ông Hoàng Văn T có đăng

ký tạm trú tại xóm 11 Bể Tr, thị trấn Nước H, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng, còn thời gian tạm trú từ lúc nào bà không nhớ. Hai vợ chồng bà L, ông T đang ly thân, ông T thường xuyên đi làm xa nên không thường xuyên cư trú tại xóm. Biên bản xác minh ngày 29/12/2021, anh Hoàng Văn Ch là con đẻ của bà L và ông T xác nhận: Ông T đã nhận được đầy đủ thông báo hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vì không muốn ly hôn nên ông T không đến Tòa án. Ông T và bà L đã sống ly thân từ khoảng năm 2019. Nơi tạm trú của ông T và anh Ch vẫn ở tại xóm 11 Bể Tr, thị trấn Nước H, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng, việc mâu thuẫn giữa bà L và ông T, anh Ch cũng đã có ý kiến và hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm của bố, mẹ. Hiện nay, ông T đi làm việc tự do tại thành phố Cao Bằng ăn ngủ tại công trường, không ở cố định. Ông T vẫn thường xuyên đi lại thăm con cháu, gia đình anh Ch, gia đình em gái anh là Hoàng Thị V để thăm con, cháu, ông Tập là người chủ động đến gặp anh, chị V và các cháu, anh Ch cũng không biết chỗ ở cố định của ông T.

Căn cứ các biên bản xác minh nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ông T đã được triệu tập đến Tòa án nhiều lần để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông T vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử. Điều này thể hiện ông T không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được HĐXX chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Văn T có 03 (ba) con chung.

1. Hoàng Văn Ch, sinh ngày 08/10/1994;
2. Hoàng Thị V, sinh ngày 12/11/1995;
3. Hoàng Cao B, sinh ngày 23/11/1998.

Hiện nay, cả ba con chung đều đã đủ tuổi thành niên, hai con đã lập gia đình riêng, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà L tự khai giữa bà và ông Tập có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận xong, đồng thời vợ chồng không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của ông T về các vấn đề này nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết, nếu sau ly hôn có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Liên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Hoàng Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2019 do Ủy ban nhân dân xã Dân Ch, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 26/02/2019 không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn nộp vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003513 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An. Xác nhận bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định./.

#### **Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hòa An;
- CC THADS huyện Hòa An;
- UBND xã Dân Chủ;
- (Số 05 ngày 26/02/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lục Thị Út**



